

Số: 53/NQ-HĐND

Bình Định, ngày 21 tháng 9 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công
trung hạn, giai đoạn 2021-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 12 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng
Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương của Chương trình
phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung
hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng
nhân dân tỉnh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa
phương giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm
2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công
trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 03/NQ-
HĐND ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ
sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025
và kế hoạch đầu tư công năm 2022; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7
năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư
công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2022;
Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh
về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước
giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2022; Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 10
tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch
đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số
03/NQ-HĐND ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều
chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2023.

Xét Tờ trình số 159/TTr-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-
2025; Báo cáo thẩm tra số 85/BC-KTNS ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Ban Kinh tế

- Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, với các nội dung như sau:

1. Vốn ngân sách tỉnh:

a) Điều chỉnh nội bộ kế hoạch vốn của các chủ đầu tư để bổ sung cho các dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư.

(Chi tiết như Phụ lục 01 kèm theo)

b) Điều chỉnh kế hoạch vốn giữa các chủ đầu tư với số vốn 31.937 triệu đồng từ 05 danh mục, dự án để bổ sung cho 06 danh mục, dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư.

(Chi tiết như Phụ lục 02 kèm theo)

c) Thông qua danh mục 05 dự án chuẩn bị đầu tư (danh mục được bổ sung vốn) và dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn điều chỉnh giảm kế hoạch trung hạn của các dự án. Giao UBND tỉnh chỉ đạo triển khai hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Chủ trương đầu tư dự án theo quy định.

(Chi tiết như Phụ lục 03 kèm theo)

d) Bổ sung 02 dự án vào danh mục các công trình hạ tầng để phát triển quỹ đất; các khu tái định cư, hỗ trợ, bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án của tỉnh giai đoạn 2021-2025.

(Chi tiết như Phụ lục 04 kèm theo)

đ) Điều chỉnh tên các dự án đã được phân bổ trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, cụ thể:

- Điều chỉnh tên dự án “*Xây dựng mới Trường THPT để giảm tải Trường THPT Hùng Vương*” thành “*Xây dựng mới Trường THPT để giảm tải trường THPT Hùng Vương (Trường THPT Bùi Thị Xuân)*”.

- Điều chỉnh tên dự án “*Nâng cấp, cải tạo trạm y tế xã An Hưng*” thành “*Xây dựng mới trạm y tế xã An Hưng*”.

(Chi tiết như Phụ lục 05 kèm theo)

2. Ngân sách trung ương:

a) Vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài: Bổ sung tổng nguồn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài 72.000 triệu đồng cho dự án Làng Hòa Bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Bình Định.

(Chi tiết như Phụ lục 06, 07 kèm theo)

b) Các chương trình mục tiêu quốc gia:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

Trương Văn

+ Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: Phân bổ chi tiết vốn chưa phân bổ 7.592 triệu đồng cho dự án Khu dân cư làng T6 (Làng mới Đak Pok), huyện Hoài Ân.

(Chi tiết như Phụ lục 08 kèm theo)

+ Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc - Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Điều chỉnh giảm 1.362 triệu đồng của 3 dự án để bổ sung cho 01 dự án thuộc xã Vĩnh Sơn huyện Vĩnh Thạnh.

(Chi tiết như Phụ lục 09 kèm theo)

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

+ Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững - Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn: Phân bổ chi tiết vốn chưa phân bổ 72.452 triệu đồng cho Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn và Trường Cao đẳng Y tế Bình Định.

(Chi tiết như Phụ lục 10 kèm theo)

- Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững - Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững: Điều chỉnh giảm 11.922 triệu đồng phân bổ cho Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Bình Định (380 triệu đồng) và vốn chưa phân bổ (11.542 triệu đồng) để bổ sung cho Trung tâm Dịch vụ việc làm Bình Định.

(Chi tiết như Phụ lục 11 kèm theo)

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XIII Kỳ họp thứ 12 (kỳ họp chuyên đề) thông qua và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 9 năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ (báo cáo);
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT;
- TT. Tỉnh ủy (b/cáo); TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành liên quan;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp.



CHỦ TỊCH

Hồ Quốc Dũng

Phụ lục 01

DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH NỘI BỘ KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN NGÂN SÁCH TỈNH CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt Chủ trương đầu tư/Dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021- 2025 (*)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (*)	Ghi chú
		Số QĐ, ngày/ tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh				
1	BQL DỰ ÁN GIAO THÔNG TỈNH							
	<i>Dự án điều chỉnh giảm</i>					-52.279		
1	Dự án Đường phía Tây tỉnh (ĐT.639B) (HM: Km130+00 – Km 137+580)	711/QĐ-UBND; 10/03/2016 247/QĐ-UBND; 21/01/2022	613.792	284.163	8.380	-1.170	7.210	
2	Dự án Đường nối từ đường trục KKT Nhơn Hội đến Khu tâm linh chùa Linh Phong	1646/QĐ-UBND; 18/5/2018 3899/QĐ-UBND; 21/9/2021	167.865	167.865	11.000	-1.681	9.319	
3	Dự án Xây dựng cầu vào trụ sở mới Trung tâm Đăng kiểm phương tiện thủy, bộ Bình Định	325/QĐ-UBND; 05/02/2020 1144/QĐ-UBND; 07/04/2022	29.850	29.850	29.000	-3.026	25.974	
4	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường qua các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia đặc biệt và các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia trên địa bàn huyện Tây Sơn (giai đoạn 1)	3932a/QĐ-UBND; 30/10/2015 3681/QĐ-UBND; 06/9/2021	100.000	40.000	39.934	-2.403	37.531	
5	Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trần Nhân Tông, thành phố Quy Nhơn (đoạn từ khu dân cư phía Đông Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng đến hết Cầu số 2 qua sông Hà Thanh)	3804/QĐ-UBND; 30/10/2018 622/QĐ-UBND; 28/2/2022	129.353	129.353	90.000	-13.999	76.001	
6	Dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn Đê Gi - Mỹ Thành	3917/QĐ-UBND; 29/10/2019 3674/QĐ-UBND; 08/11/2022	611.654	355.273	310.000	-30.000	280.000	
	<i>Dự án điều chỉnh tăng</i>					52.279		



Handwritten signature and initials.

STT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt Chủ trương đầu tư/Dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025 (*)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (*)	Ghi chú
		Số QĐ, ngày/ tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh				
1	Dự án Tuyến đường tránh ĐT.633, đoạn từ Núi Ghềnh đến giáp đường ven biển (ĐT.639)	1892/QĐ-UBND; 13/6/2022	336.001	336.001	167.716	32.279	199.995	
2	Tuyến đường N5 và D5 kết nối với ranh giới Khu đất dự án xây dựng thiết chế Công đoàn	3299/QĐ-UBND; 06/9/2023	79.290	79.290		20.000	20.000	
II	BQL DỰ ÁN NNPTNT							
	<i>Dự án điều chỉnh giảm</i>					-16.630		
1	Đập dâng Hà Thanh 1, huyện Văn Canh	1077/QĐ-UBND; 04/04/2022	220.000	50.000	25.000	-16.630	8.370	
	<i>Dự án điều chỉnh tăng</i>					16.630		
1	Đập dâng Phú Phong, huyện Tây Sơn	5433/QĐ-UBND; 31/12/2020 3954/QĐ-UBND; 28/11/2022	754.040	204.040	135.000	16.630	151.630	
III	BCH QUÂN SỰ TỈNH							
	<i>Dự án điều chỉnh giảm</i>					-1.850		
1	Đường hầm Sh02-BD13	1607/QĐ-UBND; 20/6/2013 122/QĐ-UBND-m; 03/10/2019	29.050	29.050	6.350	-1.850	4.500	
	<i>Dự án điều chỉnh tăng</i>					1.850		
1	Đại đội VKĐ (K6): Tường rào vòng ngoài, Hệ thống cấp nước phòng cháy chữa cháy, Nâng cấp mở rộng trạm bảo dưỡng vũ khí; Nhà kho vật chất SSCĐ, Nhà ở chiến sĩ; Nhà vệ sinh; Nhà gác cổng; Hạ tầng kỹ thuật, Đường bê tông nội bộ tuần tra khu kỹ thuật.	4685/QĐ-UBND; 25/11/2021 4143/UBND-NC; 21/6/2023	12.639	12.639	10.000	1.850	11.850	
IV	UBND HUYỆN TUY PHƯỚC							
	<i>Dự án điều chỉnh giảm</i>					-3.085		
1	Nâng cấp tuyến đường Lê Công Miến, TT Tuy Phước	143/QĐ-UBND; 16/01/2018 208/QĐ-UBND; 19/01/2021	14.837	1.808	1.808	-958	850,00	

STT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt Chủ trương đầu tư/Dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025 (*)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (*)	Ghi chú
		Số QĐ, ngày/ tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh				
2	Trạm Y tế Phước Hưng, huyện Tuy Phước	61/QĐ-SKHĐT; 26/2/2021	3.386	1.385	1.692	-307	1.385	
3	Sửa chữa, nâng cấp Trạm y tế xã Phước Sơn	161/QĐ-SKHĐT; 31/5/2021	5.064	2.561	2.156	-88	2.068	
4	Đường từ ĐT.640 vào Thấp Bình Lâm	4722/QĐ-UBND; 27/11/2021	35.142	8.689	22.198	-592	21.606	
5	Cầu Bạ Xoài - Phước Nghĩa	4092/QĐ-UBND; 6/12/2022	22.498	8.860	10.000	-1.140	8.860	
	Dự án điều chỉnh tăng					3.085		
1	Trạm Y tế Phước An, huyện Tuy Phước	22/QĐ-SKHĐT; 18/2/2022	4.366	1.772	1.648	124	1.772	
2	Xây dựng cầu Hóc Công, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước	2447/QĐ-UBND; 05/7/2023	25.887	9.809	6.847	2.961	9.808	
V	UBND HUYỆN HOÀI AN							
	Dự án điều chỉnh giảm					-9.915		
1	Nâng cấp tuyến đường Ân Hữu – Đak Mang (đoạn Xuân Sơn và đoạn cầu Nước Lương đi thôn T6 xã Đak Mang)	2517/QĐ-UBND; 23/7/2019 5256/QĐ-UBND; 24/12/2020	19.461	11.639	11.639	-859	10.780	
2	Sửa chữa, nâng cấp Trạm Y tế TT.Tăng Bạt Hồ	657/QĐ-UBND; 25/02/2021	4.531	2.811	2.810	-1.056	1.754	
3	Trường THCS Ân Thạnh; hạng mục: Xây dựng 08 phòng học, 04 phòng bộ môn và hiệu bộ	5140/QĐ-UBND; 16/12/2020	12.399	6.537	7.515	-1.115	6.400	
4	Trường mầm non Ân Hữu (Điểm chính) nhà lớp học 02 tầng 06 phòng	1299/QĐ-UBND; 13/4/2021	5.187	3.007	3.007	-1.146	1.861	
5	Trường THCS Ân Nghĩa, 6 phòng học 2 PBM và khu hiệu bộ	5126/QĐ-UBND; 16/12/2020	10.016	4.934	4.934	-1.454	3.480	
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ bến xe cũ đi Trung tâm tập kết mua bán động vật tập trung và vùng sản xuất rau an toàn	3799/QĐ-UBND, 30/10/2018	14.393	8.622	1.720	-1.720	-	



Handwritten signature and initials in blue ink.

STT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt Chủ trương đầu tư/Dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025 (*)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (*)	Ghi chú
		Số QĐ, ngày/ tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh				
7	Trường THCS Tăng Bạt Hổ. HM: XD mới nhà lớp học 06 phòng, 04 phòng bộ môn và nhà hiệu bộ	219/QĐ-UBND; 19/01/2021	11.619	6.011	6.335	-2.003	4.332	
8	Trường Tiểu học Ân Nghĩa; hạng mục: Xây dựng 10 phòng học và nhà hiệu bộ	5139/QĐ-UBND; 16/12/2020	9.067	4.567	4.787	-562	4.225	
	Dự án điều chỉnh tăng					9.915		
1	Xây dựng cầu vượt lũ Hiệp Định	447/QĐ-UBND 13/02/2022	35.293	20.251	15.483	4.768	20.251	
2	Đầu tư nâng cấp mở rộng tuyến đường từ cầu Phong Thạnh đến đường ĐT.629	2926/QĐ-UBND 09/9/2022	53.196	26.147	21.000	5.147	26.147	
VI	UBND HUYỆN PHÙ MỸ					-13.010		
	Dự án điều chỉnh giảm							
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ xã Mỹ Châu – thị trấn Bình Dương, đoạn từ ngã ba đường cứu hộ cứu nạn (thôn Trà Thung, xã Mỹ Châu) – giáp đường ĐT.632 (thôn Dương Liễu Bắc, thị trấn Bình Dương)	4054/QĐ-UBND; 13/10/2019	14.119	4.502	3.115	-1.796	1.319	
2	Cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Châu	2536/QĐ-UBND; 12/9/2013 630/QĐ-UBND; 03/3/2017	39.039	29.280	4.097	-2.000	2.097	
3	Đập dâng Cây Kê, xã Mỹ Quang, huyện Phù Mỹ	3463/QĐ-UBND; 27/9/2019	25.261	9.000	10.214	-9.214	1.000	
	Dự án điều chỉnh tăng					13.010		
1	Nâng cấp, mở rộng và tu bổ tôn tạo di tích Địa điểm lịch sử chiến thắng Đèo Nhông, xã Mỹ Phong, huyện Phù Mỹ	3226/QĐ-UBND; 05/9/2017 4038/QĐ-UBND; 01/10/2021	35.800	28.656	16.656	5.645	22.301	
2	Tuyến đường liên huyện từ thị trấn Phù Mỹ đi xã Cát Minh, huyện Phù Cát	63/NQ-HĐND ngày 10/12/2022	436.700	125.350	42.679	7.365	50.044	

Ghi chú: (*): Không phân biệt nguồn vốn

DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN NGÂN SÁCH TỈNH GIỮA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt Chủ trương đầu tư/Dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021- 2025 (*)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021- 2025 sau điều chỉnh (*)	Ghi chú
		Số QĐ, ngày/ tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh				
I	DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM					-31.937		
1	Dự án Mở rộng TTYT huyện Hoài Nhơn; hạng mục Khu điều trị bệnh nhân và các hạng mục phụ trợ	288/QĐ-UBND; 04/7/2016 3487/QĐ-UBND; 25/8/2020	75.000	14.470	13.812	-13.812	0	
2	Dự án Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn; hạng mục Nhà Điều trị 251 giường - Hệ thống khí y tế	271/QĐ-SKHĐT ngày 27/9/2021	6.620	6.620	7.025	-7.025	0	
3	Phục hồi và quản lý rừng bền vững tại miền Trung và miền Bắc Việt Nam (KfW9) giai đoạn 1 tại tỉnh Bình Định	3485/QĐ-UBND; 25/10/2022	84.613	23.863	10.600	-1.600	9.000	
4	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	1824/QĐ-UBND; 8/6/2022	59.470	9.470	10.000	-5.000	5.000	
5	Hỗ trợ hợp tác bên Lào				7.500	-4.500	3.000	
II	DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH TĂNG					31.937		
II.1	Hoàn trả vốn Trái phiếu chính phủ năm 2013 theo Báo cáo Kiểm toán ngày 15/04/2015 của Kiểm toán Nhà nước					2.792		
1	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Cây Da	869/QĐ-CTUBND; 26/4/2010	28.260	5.608		1.529		
2	Nhà ký túc xá số 3 và số 4 thuộc Trường Cao Đẳng Sư phạm Bình Định (mua sắm thiết bị nội thất)	991/QĐ-CTUBND; 28/4/2009	35.777	5.346		1.263		
II.2	Các dự án bổ sung vốn					29.145		

STT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt Chủ trương đầu tư/Dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021- 2025 (*)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021- 2025 sau điều chỉnh (*)	Ghi chú
		Số QĐ, ngày/ tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh				
1	Cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc của Sở Công Thương Bình Định	44/QĐ-SKHĐT; 10/3/2023 6184/UBND-KT; 28/8/2023	11.637	11.637	9.000	2.637	11.637	
2	Đại đội VKĐ (K6): Tường rào vòng ngoài, Hệ thống cấp nước phòng cháy chữa cháy, Nâng cấp mở rộng trạm bảo dưỡng vũ khí; Nhà kho vật chất SSCĐ, Nhà ở chiến sĩ; Nhà vệ sinh; Nhà gác công; Hạ tầng kỹ thuật, Đường bê tông nội bộ tuần tra khu kỹ thuật.	4685/QĐ-UBND; 25/11/2021 4143/UBND-NC; 21/6/2023	12.639	12.639	11.850	789	12.639	
3	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt huyện Phù Cát	1207/QĐ-SKHĐT; 06/4/2021 VB 5302/UBND-TH; 29/7/2023	74.626	71.800	64.000	7.800	71.800	
4	Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt huyện Tây Sơn (công nghệ lò đốt)	2841/QĐ-UBND; 01/8/2023	42.138	24.730		17.919	17.919	

Ghi chú: (*): Không phân biệt nguồn vốn

Phụ lục 03

DANH MỤC DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 TỪ NGUỒN ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH TRUNG HẠN CỦA CÁC DỰ ÁN

(Kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025 (*)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (*)	Ghi chú
A	ĐIỀU CHỈNH NỘI BỘ CÁC CHỦ ĐẦU TƯ				
I	UBND HUYỆN TUY PHƯỚC				
	<i>Dự án điều chỉnh giảm</i>		-17.009		
1	Nâng cấp tuyến đường ĐH.42, huyện Tuy Phước	8.400	-2.079	6.321	
2	Sửa chữa trạm xử lý và đường ống Nhà máy nước Phước Thuận	2.298	-2.013	285	
3	Đường từ ĐT.640 vào Tháp Bình Lâm	21.606	-12.917	8.689	
	<i>Dự án điều chỉnh tăng</i>		17.009		
1	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Phước An và Phước Thành, huyện Tuy Phước	16.508	10.000	26.508	
2	Tuyến đường ĐT.631, đoạn từ Nhơn Hạnh đến giáp đường Cát Tiến - Diêm Vân, huyện Tuy Phước	4.000	7.009	11.009	
II	UBND HUYỆN PHÙ MỸ				
	<i>Dự án điều chỉnh giảm</i>		-3.150		
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ xã Mỹ Châu – thị trấn Bình Dương, đoạn từ ngã ba đường cứu hộ cứu nạn (thôn Trà Thung, xã Mỹ Châu) – giáp đường ĐT.632 (thôn Dương Liễu Bắc, thị trấn Bình Dương)	1.319	-130	1.189	

STT	Tên dự án	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025 (*)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (*)	Ghi chú
2	Nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Chánh (giai đoạn 2)	10.106	-3.020	7.086	
	<i>Dự án điều chỉnh tăng</i>		3.150		
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND và UBND xã Mỹ Chánh		3.150	3.150	
B	ĐIỀU CHỈNH GIỮA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ				
	<i>Dự án điều chỉnh giảm</i>		-34.000		
1	Phục hồi và quản lý rừng bền vững tại miền Trung và miền Bắc Việt Nam (KfW9) giai đoạn 1 tại tỉnh Bình Định	9.000	-9.000	0	
2	Dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn	50.986	-20.000	30.986	
3	Hiện đại hóa các trang thiết bị phòng họp của Văn phòng UBND tỉnh phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh	15.000	-5.000	10.000	
	<i>Dự án điều chỉnh tăng</i>		34.000		
1	Dự án Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định		20.000	20.000	
2	Nâng cấp mở rộng Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn		14.000	14.000	

Ghi chú: (*): Không phân biệt nguồn vốn

Phụ lục 04

**BỔ SUNG DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG ĐỂ PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT; CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ, HỖ TRỢ, BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG CÁC DỰ ÁN CỦA TỈNH
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Danh mục dự án	Ghi chú
1	Giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất để hoàn trả cho Công ty Điện lực Bình Định	
2	Tuyến đường N5 và D5 kết nối với ranh giới Khu đất dự án xây dựng thiết chế Công đoàn	



Phụ lục 05

ĐIỀU CHỈNH TÊN, DANH MỤC DỰ ÁN

(Kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên dự án tại Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của HĐND tỉnh và các Quyết định điều chỉnh, bổ sung	Tên dự án điều chỉnh	Ghi chú
1	Xây dựng mới Trường THPT để giảm tải Trường THPT Hùng Vương	Xây dựng mới Trường THPT để giảm tải trường THPT Hùng Vương (Trường THPT Bùi Thị Xuân)	
2	Nâng cấp, cải tạo trạm y tế xã An Hưng	Xây dựng mới trạm y tế xã An Hưng	

TC *my*



Phụ lục 06

**BỔ SUNG TỔNG NGUỒN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn bổ sung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi bổ sung	Ghi chú
*	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	11.798.977	72.000	11.870.977	
	<i>Trong đó:</i>				
	Vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài	2.033.700	72.000	2.105.700	Chi tiết phụ lục 06



Tr *MM*

**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW (vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài) giai đoạn 2021 - 2025	Ghi chú	
				Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT								
						Trong đó:								
						Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					
						Tổng số	Trong đó:		Tính bằng nguyên tệ	Tổng số	Quy đổi ra tiền Việt			
							NSTW	NSDP			Đưa vào cân đối NSTW			Vay lại
	TỔNG SỐ				97.720	9.712		9.712		88.008	88.008	0	72.000	
I	Giao thông				97.720	9.712		9.712		88.008	88.008	0	72.000	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				97.720	9.712		9.712		88.008	88.008	0	72.000	
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025				97.720	9.712		9.712		88.008	88.008	0	72.000	
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025				97.720	9.712		9.712		88.008	88.008	0	72.000	
(1)	Làng Hòa Bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Bình Định	37999	KOICA	40/NQ-HĐND ngày 07/9/2022	97.720	9.712		9.712	4215713 USD	88.008	88.008		72.000	

Phụ lục 08

**PHÂN BỐ CHI TIẾT VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHƯA PHÂN BỐ CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN
KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

(Kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Tên danh mục	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	TỔNG SỐ	7.592	
I	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	7.592	
	<i>Vốn chưa phân bổ</i>	<i>7.592</i>	
1	Dự án Khu Dân cư làng T6 (Làng mới Đak Pok)	7.592	



Ths *Muc*

**ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHƯƠNG TRÌNH
MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

(Kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên danh mục	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025	Điều chỉnh, bổ sung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
I	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc				
I.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN				
	Xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh				
	<i>Dự án điều chỉnh giảm</i>		-1.362		
1	Đường từ nhà bá Khương đến ruộng mí Nham	975	-175	800	
2	Đường từ nhà bá Khoan đến ruộng giá Roih	987	-187	800	
3	BTXM đường vào nghĩa địa các thôn	3.270	-1.000	2.270	
	<i>Dự án điều chỉnh tăng</i>		1.362		
1	Đường vào khu sản xuất ruộng Gní	383	1.362	1.745	

Thư
ma

Phụ lục 10

**PHÂN BỐ CHI TIẾT VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHƯA PHÂN BỐ CHƯƠNG TRÌNH MTQG
GIẢI NGHÈO BỀN VỮNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Tên danh mục	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	TỔNG SỐ	72.452	
I	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	72.452	
	<i>Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó</i>	<i>72.452</i>	
	<i>Vốn chưa phân bổ</i>	<i>72.452</i>	
1	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn	36.696	(*)
2	Trường Cao đẳng Y tế Bình Định	35.756	(*)

Ghi chú: (*)Giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết các hạng mục hằng năm



Thư *Mưu*

Phụ lục 11

ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

(Kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên danh mục	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh, bổ sung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
I	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững				
	<i>Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững</i>				
	<i>Dự án điều chỉnh giảm</i>		-11.922		
1	Trung tâm GDNN Bình Định	380	-380	0	
2	Hỗ trợ việc làm bền vững (vốn chưa phân bổ)	11.542	-11.542	0	
	<i>Dự án điều chỉnh tăng</i>		11.922		
1	Trung tâm DVVL Bình Định	715	11.922	12.637	(*)

Ghi chú: (*) Giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết các hạng mục hằng năm

Handwritten signature and mark